TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **122/**2024/HNGĐ-ST Ngày 30-7-2024 *"V/v tranh chấp về ly hôn và con chung"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

2. Bà H'Hương Bkrông

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Đào Anh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2024/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Hẻm C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Hẻm C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày có nội dung:

Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 4 năm 2007.

Quá trình chung sống chị T và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Lê D, sinh ngày: 11/6/2009 và cháu Nguyễn Lê Tấn D1, sinh ngày: 20/9/2010.

Quá trình chung sống với nhau đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra bất đồng. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Chị T và anh V đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, từ khi sống ly thân cho đến nay anh, chị chưa quay về chung sống với nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Khi ly hôn chị T và anh V thỏa thuận sẽ giao cháu Nguyễn Hoàng Lê D cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Nguyễn Lê Tấn D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Hoàng V có đơn trình bày có nội dung:

Anh Nguyễn Hoàng V và chị Lê Thị Hồng T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra nhiều bất đồng dẫn đến cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh V đồng ý ly hôn.

Anh V và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Lê D, sinh ngày: 11/6/2009 và cháu Nguyễn Lê Tấn D1, sinh ngày: 20/9/2010. Khi ly hôn thì anh V và chị T thỏa thuận sẽ giao cháu Nguyễn Hoàng Lê D cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Nguyễn Lê Tấn D1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Hoàng Lê D, sinh ngày: 11/6/2009 cho anh Nguyễn Hoàng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Lê Tấn D1, sinh ngày: 20/9/2010 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V, do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T và bị đơn anh Nguyễn Hoàng V có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh V là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 4 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra bất đồng. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên chị T và anh V đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

[3.2] Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Hoàng V trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra nhiều bất đồng dẫn

đến cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông V đồng ý ly hôn.

[3.3] Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Chị T và anh V chung sống với nhau và có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Lê D và Nguyễn Lê Tấn D1. Anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị T có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Địa phương cung cấp những thông tin như trên và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét về mâu thuẫn giữa chị T và anh V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Lê D, sinh ngày: 11/6/2009 và cháu Nguyễn Lê Tấn D1, sinh ngày: 20/9/2010. Quá trình giải quyết, chị T và anh V đều thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Hoàng Lê D cho anh nguyễn Hoàng V1 và giao cháu Nguyễn Lê Tấn D1 cho chị Lê Thị Hồng T nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của cháu D là được sống cùng với anh V1 và cháu D1 là được sống cùng với chị T, nên cần giao cháu Nguyễn Hoàng Lê D, sinh ngày: 11/6/2009 cho anh Nguyễn Hoàng V và giao cháu Nguyễn Lê Tấn D1, sinh ngày: 20/9/2010 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Lê D, sinh ngày: 11/6/2009 cho anh Nguyễn Hoàng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Lê Duy đ tuổi thành niên.

Giao cháu Nguyễn Lê Tấn D1, sinh ngày: 20/9/2010 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Lê Tấn D1 đủ tuổi thành niên.

Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoàng V không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2023/0009633 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND p. Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Đức